

Số/No.: 72/CV - CTDH

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2020  
Bentre, June 11<sup>th</sup>, 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities  
Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock  
Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE/  
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BEN TRE
  - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DHC
  - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Lô AIII, KCN Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành,  
tỉnh Bến Tre, Việt Nam/ Lot AIII, Giao Long Industrial Zone, An Phuoc Ward, Chau Thanh  
District, Ben Tre Province, Viet Nam.
  - Điện thoại/ *Telephone*: 0275.3635739
  - Fax: 0275.3635738
  - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: ông Lê Bá Phương/ Mr Le Ba Phuong  
Chức vụ/ *Position*: Tổng giám đốc/ General Director
- Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type*:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ Content of Information disclosure (\*):**

Tài liệu họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020/ *Document for The Annual Shareholders'  
Meeting 2020.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/06/2020  
tại đường dẫn : [www.dohacobentre.com.vn](http://www.dohacobentre.com.vn) tại mục Quan hệ cổ đông  
*This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 11/06/2020 Available at:  
www.dohacobentre.com.vn at Shareholder.*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước  
pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./  
*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally  
responsible for any misrepresentation.*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
LEGAL REPRESENTATIVE  
TỔNG GIÁM ĐỐC GENERAL DIRECTOR**



*Lê Bá Phương*





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**  
**DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE**

DC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Tel: 075.2470655 - 3611666 \* Fax: 075.3635222 - 3611222  
Email: donghaibentre@yahoo.com \* Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 79/TB-CTĐH

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2020

**THÔNG BÁO**  
**MỜI HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre – DOHACO (Mã CK: DHC) trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2020.

**1. Địa điểm:** Nhà hàng Đồng Khởi 2 – số 210B Đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**2. Thời gian:** 7 giờ 30 phút, thứ sáu, ngày 26/06/2020

**3. Nội dung:** Đại hội thảo luận và thông qua:

- Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Ban TGD;
- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của HĐQT;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019;
- Báo cáo hoạt động năm 2019 của BKS;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

**4. Điều kiện tham dự:**

- Cổ đông có tên theo danh sách do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM chốt vào ngày đăng ký cuối cùng 08/06/2020.

- Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc làm giấy ủy quyền cho đại diện của mình tham dự.

**5. Vấn đề cần lưu ý:** Để việc chuẩn bị Đại hội được chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông:

- Xác nhận trực tiếp tham dự/ủy quyền (theo mẫu) đến Bà Nguyễn Ngọc Tố Uyên – Thư ký HĐQT Công ty **chậm nhất vào thứ tư, ngày 24/06/2020.**

+ ĐT: 0275.2470 655 ; ĐTDĐ: 0946 718892; Fax: 0275.3635 222

+ Email: uyen@dohacobentre.com hoặc uyennnt.bt@gmail.com

- Xem tài liệu họp Đại hội tại website: [www.dohacobentre.com.vn](http://www.dohacobentre.com.vn) mục Quan hệ cổ đông từ ngày 11/06/2020.

- Mang theo CMND/hộ chiếu và giấy ủy quyền (nếu có) để Công ty đối chiếu danh sách cổ đông.

Trân trọng thông báo!



**LÊ BA PHƯƠNG**





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**  
**DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE**

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
 Tel: 075.2470655 - 3611666 \* Fax: 075.3635222 - 3611222  
 Email: donghaibentre@yahoo.com \* Website: www.dohacobentre.com.vn



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

- **Địa điểm:** Hội trường - Nhà hàng Đồng Khởi 2 – Số 210B Đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Thời gian:** 7h30 giờ, thứ sáu, ngày 26/06/2020.

TT	Nội dung	Phụ trách	Thời gian	Ghi chú
01	Tiếp đón đại biểu, đăng ký tham dự, phát tài liệu	BTC	7h30 - 8h00	
02	Công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Trưởng BKS	8h00 - 8h10	
03	Giới thiệu Chủ tọa, Ban thư ký và thông qua Ban kiểm phiếu	Trưởng BTC	8h10 - 8h25	Biểu quyết giờ thẻ
04	Thông qua chương trình và qui chế tổ chức ĐH			
05	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban TGD.	TV Ban TGD	8h25 - 8h45	
06	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch năm 2020	TV HĐQT	8h45 – 9h	
07	- Báo cáo kết quả thực hiện Dự án Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2. - Báo cáo tình hình sử dụng vốn đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu năm 2018.	TV HĐQT	9h - 9h15	
08	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019	Trưởng BKS	9h15 – 9h30	
09	Tờ trình của HĐQT về các vấn đề xin ý kiến Đại hội	Đoàn Chủ tịch	9h30-10h30	
10	Thảo luận của cổ đông và giải trình của HĐQT	Đoàn chủ tịch		
11	Thông qua thể lệ biểu quyết	Trưởng Ban kiểm phiếu		
12	Biểu quyết các vấn đề theo các tờ trình của HĐQT			
13	Giải lao Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu		10h30-10h45	

14	Thông qua kết quả kiểm phiếu	Trưởng Ban kiểm phiếu	10h45-11h	
15	Công bố Biên bản và Nghị quyết ĐH	Thư ký ĐH	11h-11h15	
16	Đáp từ bế mạc	Chủ tịch HĐQT	11h15-11h30	
17	Tiệc chiêu đãi		11h30	





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**  
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

DC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Tel: 075.2470655 - 3611666 \* Fax: 075.3635222 - 3611222  
Email: donghaibentre@yahoo.com \* Website: www.dohacobentre.com.vn



Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2020

**GIẤY XÁC NHẬN/ ỦY QUYỀN**

**“Tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2020  
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre – DOHACO”**

Tên cổ đông: .....  
Địa chỉ: .....  
Số CMND/ĐKKD: .....  
Số cổ phần sở hữu: .....

Nay, tôi/chúng tôi xác nhận tham dự ĐHCĐ thường niên 2020 Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre theo cách: **đánh dấu (✓) vào ô tương ứng**

**TRỰC TIẾP THAM DỰ**

**ỦY QUYỀN CHO:**

Ông (Bà):.....  
Địa chỉ:.....  
Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp.....  
ĐT:....., Fax:.....

Thay mặt tôi/chúng tôi tham dự và biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu.

Ông (Bà).....có nghĩa vụ thực hiện đúng quy chế làm việc của ĐHCĐ thường niên, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả ĐHCĐ cho người ủy quyền.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại ĐHCĐ thường niên 2020 Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

**Cổ đông**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Người được ủy quyền**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người ủy quyền**  
(Ký tên, đóng dấu)

Xin vui lòng gửi Giấy xác nhận/ủy quyền tham dự ĐHCĐ thường niên 2020 đến Bà Nguyễn Ngọc Tố Uyên – Thư ký HĐQT Công ty **chậm nhất vào thứ tư, ngày 24/06/2020**:

+ ĐT: 0275.2470 655 ; ĐTDĐ: 0946 718 892

+ Fax: 0275.3635 222 ; Email: uyennnt@dohacobentre.com hoặc uyennnt.bt@gmail.com





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**  
**DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE**

DC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Tel: 075.2470655 - 3611666 \* Fax: 075.3635222 - 3611222  
Email: donghaibentre@yahoo.com \* Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 01/QC - CTĐH

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2020

**QUY CHẾ TỔ CHỨC**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020 – Ngày 26/06/2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**

**Điều 1:** Quyền của cổ đông, đại diện cổ đông tham dự ĐH:

1. Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông tham dự ĐHCĐ được nhận một thẻ biểu quyết có ghi mã số, số cổ phần sở hữu và đại diện. Giá trị biểu quyết của thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông có mặt tại ĐH.
2. Cổ đông, đại diện cổ đông sau khi nghe tờ trình về các vấn đề xin ý kiến ĐH thì cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.
3. Cổ đông đến sau khi ĐH đã khai mạc có quyền đăng ký và ngay sau đó có quyền tham dự và biểu quyết ngay tại ĐH, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng ĐH khi họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

**Điều 2:** Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông tham dự ĐH là tuân thủ Quy chế tổ chức ĐH, tôn trọng kết quả làm việc tại ĐH.

**Điều 3:** Nhiệm vụ của Ban tổ chức, Ban kiểm soát Công ty tại ĐH:

1. Ban tổ chức nhận và kiểm tra giấy tờ cổ đông đến họp, phát tài liệu và thẻ biểu quyết.
2. BKS Công ty kiểm tra tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự để báo cáo trước ĐH.

**Điều 4:** Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký ĐH:

1. Quyết định của Chủ tọa ĐH về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình ĐH sẽ mang tính phán quyết.
2. Chủ tọa ĐH tiến hành các biện pháp cần thiết để điều khiển ĐH theo đúng luật định, có trật tự và đảm bảo ĐH phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
3. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa ĐH. Tất cả các nội dung họp ĐH phải được Ban thư ký ghi vào biên bản.

**Điều 5:** Cuộc họp ĐHCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông mời họp.

**Điều 6:** Thông qua Quyết định của cuộc họp ĐHCĐ:

Quyết định của ĐH được thông qua khi số cổ đông đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

**Điều 7:** Quy chế này gồm 7 điều, áp dụng cho việc tổ chức ĐHCĐ thường niên 2020. Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre, được HĐQT Công ty thông qua vào ngày 11/06/2020.



**LÊ BÁ PHƯƠNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**  
**DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE**

DC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Tel: 075.2470655 - 3611666 \* Fax: 075.3635222 - 3611222  
Email: donghaibentre@yahoo.com \* Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 01/BC-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2020

**BÁO CÁO TÓM TẮT**  
**KẾT QUẢ SXKD NĂM 2019 & KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020**

**A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH:**

**I. Đánh giá chung**

Năm 2019 là một năm khá biến động của ngành giấy. Giá nguyên liệu không ổn định. Do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc và sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành, giá nguyên liệu giảm, làm giá thành phẩm bán ra giảm nhanh hơn, dẫn đến doanh thu bán hàng của những tháng đầu năm cũng như lợi nhuận biên của nhiều đơn vị bị sụt giảm.

Bên cạnh đó, do có nhiều quy định pháp luật chặt chẽ hơn trong vấn đề nhập khẩu giấy phế liệu, việc xin cấp giấy phép nhập khẩu và quá trình nhập khẩu phế liệu thực tế cũng gặp nhiều khó khăn.

**II. Hoạt động của công ty Đông Hải**

Trong năm 2019, công ty đã đầu tư tập trung đưa Dự án Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2 đi vào hoạt động chính thức từ tháng 09/2019. Tuy nhiên, Dự án hoạt động chính thức trễ 02 tháng so với kế hoạch đã đề ra. Nhà máy giấy Giao Long – PM1 chưa đạt kế hoạch đề ra do trong năm tiến hành bảo trì lớn, ngưng máy để ưu tiên điện và hơi cho PM2 chạy thử và nghiệm thu. Bộ phận bán hàng giấy cuộn nỗ lực khai thác thị trường cho sản phẩm của Nhà máy mới. Bộ phận bán hàng bao bì cũng tập mở rộng thị trường sang các ngành nghề khác để tăng sản lượng, đạt và vượt kế hoạch đề ra năm 2019.

**III. Kết quả cụ thể:**

Chỉ tiêu	Năm 2019			Năm 2018	
	Kế hoạch	Thực hiện	% KH 2019	Thực hiện	2019 so với 2018
<b>Nhà máy giấy Giao Long</b>					
<b>Máy 1 (PM1)</b>					
SL Sản xuất (tấn)	62.000	<b>60.143</b>	97%	62.488	96,25%
SL tiêu thụ (tấn)	55.600	<b>54.605</b>	98,21%	55.715	98%
Doanh thu (tỷ đồng)	560	<b>528,29</b>	94,33%	641,4	82,37%
<b>Máy 2 (PM2)</b>					
SL Sản xuất (tấn)	73.200	<b>68.784</b>	93,97%	/	/
SL tiêu thụ (tấn)	64.400	<b>63.857</b>	99,16%	/	/
Doanh thu (tỷ đồng)	640	<b>556,38</b>	86,93%	/	/

<b>Nhà máy Bao bì</b>					
SL Sản xuất (sp)	34.150.000	<b>38.219.604</b>	111,92%	31.186.371	122,55%
SL tiêu thụ (sp)	34.150.000	<b>38.051.768</b>	111,42%	31.008.186	122,72%
Doanh thu (tỷ đồng)	300	<b>343,73</b>	114,58%	283,1	121,42%
<b>Hoạt động khác</b>					
Doanh thu (tỷ đồng)		<b>1,48</b>			
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
Doanh thu	1.500	<b>1.429,88</b>	95,33%	926,6	154,3%
Lợi nhuận sau thuế	150	<b>181,59</b>	121,06%	134,1	135,41%

### III. Tình hình sản xuất kinh doanh

#### 1./ Tình hình sản xuất:

##### a. Nhà máy giấy Giao Long

###### \*PM1:

- Năm 2019, Nhà máy sản xuất được 60.143 tấn, đạt 97% kế hoạch năm 2019 và bằng 96,25% so với năm 2018. Sản lượng không đạt kế hoạch đề ra do PM1 đã ngưng máy bảo trì lớn, đồng thời, ngưng máy để hỗ trợ điện và hơi cho PM2 chạy thử và nghiệm thu.

- Tỷ lệ giấy màu/giấy xeo 62,5%/37,5% - đạt kế hoạch đề ra.

- Sử dụng vật tư, nguyên vật liệu không vượt định mức quy định của công ty.

- Thời gian chạy máy trong năm là 324,85 ngày, đạt 98,4% kế hoạch.

- Trong năm, PM1 có 01 ý kiến phản hồi của khách hàng về chất lượng giấy và nhà máy đã nhanh chóng khắc phục.

###### \*PM2:

- Nhà máy giấy Giao Long – PM2 đã đi vào hoạt động chính thức từ tháng 09/2019, chậm 02 tháng so với kế hoạch đã đề ra.

- Sản lượng sản xuất kể từ khi máy hoạt động chính thức là 68.784 tấn, tương đương 93,97% so với kế hoạch.

- Sử dụng vật tư, nguyên vật liệu không vượt định mức quy định của công ty.

- Trong năm, Nhà máy giấy Giao Long đã đăng ký 05 sáng kiến, cải tiến mang lại hiệu quả như thuê chuyên gia chạy máy thay vì ký hợp đồng dịch vụ có chi phí cao; làm máy kéo rác, cắt rác; cải tạo lại cánh cối thủy lực lớp để,....giúp tiết kiệm được chi phí trong năm là 8,3 tỷ đồng.

##### b. Nhà máy Bao bì

- Tổng sản lượng sản xuất trong năm 2019 là 38.051.768 sản phẩm, đạt 111,42% kế hoạch, tăng 22,55% so với năm 2018.

- Năng suất lao động trong năm 2019:

+ Giấy carton: 116.700 m<sup>2</sup>/người/tháng - đạt 112,21% so với kế hoạch

+ Bao bì carton: 37.799 sp/người/tháng - đạt 105% so với kế hoạch

- Sử dụng nguyên vật liệu đa số thấp hơn định mức công ty.

- Tỷ lệ hao hụt theo định mức từ nguyên liệu đến thành phẩm trong năm 2019 là 9,44%, thấp hơn định mức là 3,67%.



- Trong năm 2019, nhà máy có 02 ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm (thùng rách toét, in lệch mất nét). Ban giám đốc Nhà máy phối hợp cùng bộ phận bán hàng đến trực tiếp khách hàng chia sẻ thông tin và khắc phục các phản hồi trên.

## 2/ Tình hình kinh doanh

### a. Bộ phận Kinh doanh Giấy cuộn:

- Doanh thu:

+ Giấy cuộn PM1 là 528,29 tỷ đồng, đạt 94,33% kế hoạch.

+ Giấy cuộn PM2 là 556,38 tỷ đồng, đạt 86,93% kế hoạch.

Số lượng xuất khẩu trong năm 2019 là 12.429 tấn.

\*Sản lượng bán ra không đạt kế hoạch cũng xuất phát từ lý do sản lượng sản xuất trên.

- Duy trì được 35/35 khách hàng cũ đặt hàng trong năm 2019, khai thác được 29 khách hàng mới.

### b. Bộ phận Kinh doanh Bao bì:

- Doanh thu bao bì là 343,73 tỷ đồng, đạt 114,58% kế hoạch.

- Duy trì được 186/191 khách hàng cũ đặt hàng trong năm 2019 (trong đó có 80 khách hàng lớn), khai thác được 62 khách hàng mới.

#### \*Đánh giá

+ Đối với giấy cuộn: Bộ phận bán hàng đã nỗ lực tìm kiếm được nhiều khách hàng mới để bán ra lượng hàng tăng gấp 4 lần so với lúc trước, giải quyết được lượng hàng tồn kho, đồng thời, tăng cường bán giấy testliner, phần đầu giảm tỷ lệ giấy có định lượng mỏng 100, 105 gsm.

+ Đối với bao bì: Tập trung chăm sóc, khai thác các khách hàng lớn, uy tín để tăng sản lượng và doanh thu, giảm tỷ lệ đơn hàng nhỏ lẻ. Sắp xếp kế hoạch nhận hàng và kế hoạch xuất hàng hợp lý.

- Trong năm 2019, bộ phận kinh doanh đã có 03 sáng kiến mang lại hiệu quả cho công ty, giúp tăng năng suất lao động, giảm chi phí khoảng 500 triệu/năm.

## 3/ Máy móc thiết bị - XDCB

Máy móc thiết bị trong năm hoạt động ổn định. Tổng đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản trong năm 2019 là 17,8 tỷ đồng.

Chi tiêu	Nhà cửa – Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Quản lý công ty	103.893.921		3.067.836.364	170.090.400	3.341.820.685
NM Giao Long PM1	2.569.381.101		405.000.000		2.974.381.101
NM Giao Long PM2 (từ 01/09/2019 đến 31/12/2019)		86.000.000		436.512.727	522.512.727
Nhà máy Bao bì	2.990.254.033	8.032.085.105			11.022.339.138
<b>Tổng</b>	<b>5.663.529.055</b>	<b>8.118.085.105</b>	<b>3.472.836.364</b>	<b>606.603.127</b>	<b>17.861.053.651</b>

#### **4/ Tình hình tài chính:**

- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt được 181,59 tỷ đồng, đạt 121,06% kế hoạch.
- Nợ phải thu đến 31/12/2019: 389.897.549.578 đồng. Trong đó:
  - + Nợ luân chuyển: 365.068.075.676 đồng (giấy cuộn PM1 chiếm 21,41%, PM 2 chiếm 65,51%, bao bì chiếm 13,08%)
  - + Nợ bán tài sản: 17.512.331.369 đồng
- Nợ khó đòi phát sinh trong năm 2019: 71.426.982 đồng. Nợ khó đòi đã thu trong năm 2019: 264.166.957 đồng.
- Tổng dư nợ vay ngân hàng tại ngày 31/12/2019: 698.769.077.825 đồng. Trong đó :
  - + Nợ ngắn hạn: 198.769.077.825 đồng
  - + Nợ trung hạn: 500.000.000.000 đồng
- Công ty đã bàn giao, trả mặt bằng công ty cũ tại Phường 8 – Thành phố Bến Tre. Số tiền bồi thường là 3.789.083.000 đồng (giá trị còn lại của tài sản chưa khấu hao hết là 659.716.285 đồng).
- Tháng 12/2019, Công ty đã chốt danh sách chi tạm ứng cổ tức năm 2019 cho cổ đông, tỉ lệ 10% vốn điều lệ và tiến hành chi vào ngày 10/01/2020 với tổng số tiền là 53.756.783.000 đồng (Còn 01 đợt chi tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt, tiến hành chi trong năm 2020).

#### **5/ Quản lý - nhân sự:**

- Tình hình nhân sự công ty tương đối ổn định. Số lượng CBCNV công ty đến ngày 31/12/2019 là 489 người, tăng 69 người so với năm 2018 (Chủ yếu là tăng nhân sự cho Nhà máy Giao Long PM2).
- Thu nhập bình quân của công nhân lao động năm 2019 là 7.589.887 đồng, tăng 3,9% so với 2018.
- Công ty đã hoàn thành các kế hoạch đào tạo trong năm 2019 như Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động, Sơ cấp cứu định kỳ, Huấn luyện Phòng cháy chữa cháy, Huấn luyện Kỹ thuật An toàn trong vận hành xe nâng, cầu trục, Tái đào tạo vệ sinh 5S trong toàn công ty,....
- Công ty tuyển dụng theo yêu cầu của các đơn vị, đặc biệt tuyển đầy đủ nhân sự cho Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2.
- Công ty luôn tăng cường công tác PCCC, an toàn vệ sinh lao động, an ninh trật tự, vệ sinh 5S thường xuyên kiểm tra nhắc nhở, tuyệt đối không để các hiện tượng xấu xảy ra.
- Tổng kết năm 2019, công ty đã khen thưởng cho 6 tập thể, 42 cá nhân tiên tiến, xuất sắc, 14 sáng kiến, cải tiến mang lại hiệu quả cao cho công ty, khen thưởng Ban quản lý Dự án Nhà máy giấy Giao Long – PM2 với tổng số tiền trên 1,2 tỷ đồng. Công ty tổ chức cho CBCNV đi du lịch trong năm với số tiền gần 1 tỷ đồng.

#### **\*Công tác công đoàn:**

Tổ chức Công đoàn công ty giữ vững danh hiệu “Công đoàn cơ sở vững mạnh” nhiều năm liền với tổng số công đoàn viên là 463 người. Công đoàn công ty đã tiến hành chi chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, chi quà tết, quà trung thu, chi hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn... với tổng số tiền trên 250 triệu đồng.

#### **\*Về ISO:**

Trong năm 2019, công ty đã thực hiện đánh giá nội bộ ISO định kỳ và đánh giá giám sát đạt kết quả tốt. Ban lãnh đạo công ty tiếp tục duy trì Hệ thống quản lý chất lượng – môi trường ISO 9001:2015 và 14001: 2015 và xây dựng hệ thống quản lý ISO cho Nhà máy mới.



## **B/ PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020**

### **I. Dự báo tình hình**

#### **1. Điểm mạnh**

- Công ty có Nhà máy giấy Giao Long vừa sản xuất giấy công nghiệp bán ra ngoài thị trường vừa là nguồn cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy Bao bì hoạt động. Đồng thời, Nhà máy giấy Giao Long PM2 đi vào hoạt động chính thức từ tháng 09/2019, giúp tăng năng suất sản xuất của công ty, đưa công ty Đông Hải lên vị trí cao trên thị trường.

- Có tập thể người lao động đoàn kết tận tụy và tâm huyết với định hướng phát triển Công ty. Cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật từng bước làm chủ được công nghệ.

- Được sự ủng hộ mạnh mẽ từ các cấp chính quyền và các đối tác trong, ngoài nước.

- Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và Xây dựng chính sách FSC để đảm bảo yêu cầu về bảo vệ tài nguyên – môi trường.

#### **2. Điểm yếu**

- Nhà máy nằm xa cảng, xa các khách hàng lớn nên chi phí vận chuyển cao.

- Công tác khai thác bán hàng thùng carton còn yếu, còn phụ thuộc nhiều vào khách hàng chế biến thủy sản nên tình hình dịch bệnh ảnh hưởng đến các ngành này, dẫn tình hình hàng hóa bao bì của công ty cũng giảm đáng kể.

- Nhà máy giấy Giao Long – PM2 đưa vào sử dụng, bắt đầu trả lãi vay và khấu hao lớn.

#### **3. Cơ hội**

- Theo báo cáo của Hiệp Hội Giấy và Bột Giấy Việt Nam, dự báo ngành giấy sẽ tăng trưởng trong thời gian tới. Việc hạn chế rác thải nhựa và khuyến khích sử dụng bao bì giấy thay thế đang có dấu hiệu phát triển mạnh. Các ngành công nghiệp sẽ chuyển dịch từ Trung Quốc sang các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Đồng thời, thương mại điện tử cũng sẽ phát triển mạnh.

- Công ty có được các chính sách ưu đãi đầu tư: ưu đãi về thuế, giá thuê đất,...

#### **4. Thách thức**

- Những tháng đầu năm 2020, dịch bệnh Covid - 19 đã có nhiều tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Đông Hải Bến Tre. Giá nguyên liệu nhập khẩu và trong nước đều tăng, trong khi giá thành phẩm bán ra lại giảm đáng kể.

- Tình hình nước nhiễm mặn ở Đồng bằng Sông Cửu Long kéo dài làm ảnh hưởng đến tuổi thọ máy móc thiết bị, hệ thống xử lý nước thải chưa ổn định, cần phải đầu tư sớm để có hệ thống dự phòng khi bảo trì. Công ty phải mua thêm nước ngọt, nước qua xử lý RO để phục vụ nhu cầu sản xuất (khoảng 10.000m<sup>3</sup>/tháng) làm phát sinh thêm chi phí khoảng 1,5 tỷ đồng/tháng.

- Một số nhà máy sản xuất giấy lớn đi vào hoạt động trong năm 2020 như Marubeni, An Bình,...

- Các quy định chặt chẽ về nhập khẩu phế liệu dẫn đến nhiều khó khăn trong quá trình nhập khẩu thực tế.

## **II. Tóm tắt kế hoạch sản xuất kinh doanh**

### **1. Mục tiêu năm 2020**

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2019	% so với KQ 2019
<b>Nhà máy giấy Giao Long</b>			
<i>Máy 1</i>			
Sản lượng sản xuất (tấn)	<b>57.900</b>	60.143	96,27%
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	<b>51.900</b>	54.605	95,05%
Doanh thu (tỷ đồng)	<b>430</b>	528,29	81,39%
<i>Máy 2</i>			
Sản lượng sản xuất (tấn)	<b>201.700</b>	68.784	/
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	<b>184.700</b>	63.857	/
Doanh thu (tỷ đồng)	<b>1.530</b>	556,38	/
<b>Nhà máy Bao bì</b>			
Sản lượng sản xuất (sp)	<b>41.900.000</b>	38.219.604	109,63%
Sản lượng tiêu thụ (sp)	<b>41.900.000</b>	38.051.768	110,11%
Doanh thu (tỷ đồng)	<b>378</b>	341,9	110,56%
<b>Tổng doanh thu thuần</b> (tỷ đồng)	<b>2.338</b>	1429,88	163,51%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b> (tỷ đồng)	<b>200</b>	181,59	110,14%

## 2. Các giải pháp thực hiện mục tiêu năm 2020

### 2.1. Công tác bán hàng:

*\*Đối với giấy cuộn:*

- Tìm kiếm và khai thác khách hàng mới tiềm năng cho Nhà máy Giao Long - PM2.
- Tăng cường phát triển thị trường trong nước: miền Bắc, miền Trung, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Tăng cường công tác bán giấy testliner.
- Bán hàng gắn liền với thu hồi công nợ, không làm phát sinh nợ khó đòi, nợ xấu.
- Tuyển dụng thêm nhân viên bán hàng (biết tiếng Hoa/tiếng Anh).

*\*Đối với bao bì:*

- Giữ vững sản lượng và doanh thu khách hàng cũ, tăng sản lượng khách hàng cũ, không để mất khách hàng lớn.
- Tăng cường khai thác khách hàng lớn, tìm kiếm mở rộng khách hàng ở các ngành nông nghiệp, chế biến nông sản rau quả đông lạnh xuất khẩu, chế biến thực phẩm,...
- Hạn chế đơn hàng nhỏ, lẻ, thanh toán chậm. Bán hàng gắn liền với thu hồi công nợ.
- Tuyển dụng thêm nhân viên bán hàng.

*\*Đối với công tác thu mua:*

- Đảm bảo nguồn nguyên liệu chạy máy luôn đầy đủ, thiết bị dự phòng luôn kịp thời.
- Xây dựng hệ thống nhà cung cấp đáp ứng được nhu cầu về chất lượng và giá cả.

### 2.2. Công tác sản xuất:

*\*Nhà máy giấy Giao Long:*

- Đưa Nhà máy Giao Long PM2 đi vào hoạt động ổn định, từng bước làm chủ công nghệ.
- Tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm, tránh phản hồi từ khách hàng.



- Lên kế hoạch bảo trì, dự phòng máy móc thiết bị để máy móc hoạt động ổn định, liên tục nhằm đạt được kế hoạch sản lượng đã đề ra.

- Xây dựng và kiểm soát các định mức sử dụng nguyên vật liệu của nhà máy hợp lý.

- Sắp xếp kho bãi chứa giấy nguyên liệu và bảo quản giấy nguyên liệu tốt.

\*Nhà máy Bao bì

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm, tránh phản hồi từ khách hàng.

- Tập trung vào công tác bảo trì các máy để máy móc hoạt động ổn định, sản phẩm đạt chất lượng, kỹ thuật, giảm hao hụt nguyên liệu.

### 2.3. Kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản

- Nhà máy giấy Giao Long:

+ Thay tole xường, Nâng nền kho PM1 khoảng 1,5 tỷ đồng.

+ Phụ tùng thay thế PM1 khoảng 9,7 tỷ đồng, PM2 khoảng 67,6 tỷ đồng.

+ Cải tạo hồ 8000 m<sup>3</sup>, làm thêm hệ xử lí nước khoảng 37 tỷ đồng.

- Nhà máy Bao bì:

+ Xe kẹp giấy cuộn 3,5 tấn khoảng 400 triệu đồng.

+ Dàn rung khử phé bế khuôn tròn máy in khoảng 400 triệu đồng.

- Xây dựng Nhà văn phòng mới khoảng 10 tỷ đồng.

### 2.4. Kế hoạch tài chính

- Đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, ngăn ngừa phát sinh nợ xấu, đảm bảo kế hoạch thu nợ đạt trên 70% công nợ phát sinh hàng tháng theo hợp đồng kinh tế.

- Cân đối nguồn vay ngắn hạn và trung hạn, tập trung trả nợ trung hạn, giảm chi phí sử dụng vốn. Dự kiến trả nợ vay trung hạn trong năm 2020 là 300 tỷ, đến 31/12/2020, dư nợ vay trung hạn còn 200 tỷ.

- Cân đối nguồn, đảm bảo nguồn cho Công ty con thực hiện dự án theo tiến độ.

### 2.5. Công tác nhân sự

- Tăng cường công tác đào tạo và tái đào tạo tập trung vào các nhà máy và cán bộ chuyên môn tại các đơn vị về an toàn lao động, nâng cao kỹ năng tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn.

- Xây dựng hệ thống lương, thưởng phù hợp với chức danh, nhiệm vụ được giao, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV gắn bó lâu dài cùng công ty.

### 2.6. Các vấn đề khác

- Triển khai thành lập Công ty con Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Bao Bì Bến Tre và triển khai thực hiện Dự án Nhà máy Bao bì số 01 từ tháng 07/2020.

- Tiếp tục duy trì Hệ thống quản lý chất lượng – môi trường ISO 9001:2015 và 14001:2015 trong toàn công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và kiểm soát chặt chẽ về vấn đề chất lượng và môi trường.

- Tăng cường công tác an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động, vệ sinh 5S trong toàn công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến các nội dung báo cáo cũng những phương hướng mục tiêu trên.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE



Lê Bá Phương





# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

DC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tel: 075.2470655 - 3611666 \* Fax: 075.3635222 - 3611222

Email: donghaibentre@yahoo.com \* Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 02/BC-ĐHĐCD

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2020

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

### **I. Đánh giá tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị**

#### **1. Tình hình hoạt động**

- Hội đồng quản trị hoạt động tuân thủ đúng quy định pháp luật, điều lệ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện chức trách nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động hiện hành.

#### **2. Kết quả đạt được**

- Mặc dù trong năm 2019 tình hình khó khăn của nền kinh tế vẫn còn diễn biến phức tạp, nhưng tập thể cán bộ công nhân viên tư tưởng ổn định, cố gắng vượt qua những khó khăn thách thức, an tâm gắn bó với công ty, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ. Đặc biệt, từ tháng 09/2019, Dự án Nhà máy giấy Giao Long đã đi vào hoạt động chính thức.

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty tâm huyết với trọng trách được giao, thể hiện hết vai trò trách nhiệm trong lãnh đạo và quản lý điều hành.

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan, ban ngành trong tỉnh, các tổ chức tài chính tín dụng, các đối tác kinh doanh...

#### **3. Quan hệ cổ đông**

- Công ty báo cáo và công bố thông tin kịp thời các hoạt động của công ty đến cổ đông theo qui định.

### **II. Tổng kết các hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019**

#### **1. Các cuộc họp của HĐQT**

HĐQT họp định kỳ hàng quý và có một số cuộc họp cần thiết khác nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu triển khai thực hiện các kế hoạch của công ty. Cụ thể, trong năm 2019, Hội đồng quản trị tổ chức 12 kỳ họp HĐQT, ban hành 37 nghị quyết xoay quanh các lĩnh vực hoạt động, kinh doanh sản xuất của công ty, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh các quý và cả năm, thông các nội dung họp Đại hội cổ đông thường niên, việc mua máy móc thiết bị, phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông, chi cổ tức bằng tiền mặt,....

#### **2. Các Nghị quyết HĐQT năm 2019**

Theo Bảng tổng hợp chi tiết các Nghị quyết năm 2019 đính kèm.





### III. Kết quả giám sát đối của HĐQT với Ban điều hành và các cán bộ quản lý :

#### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thực hiện vai trò giám sát, Hội đồng quản trị xác định các mặt hoạt động công ty thực hiện đúng định hướng, đúng kế hoạch, phù hợp các quan điểm chủ trương của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong các lĩnh vực hoạt động.

#### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Thực hiện vai trò lãnh đạo, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc công ty chấp hành tốt pháp luật, điều lệ, các nghị quyết, các qui chế quản trị...trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn và tài sản, và trong các lĩnh vực hoạt động khác của công ty. Ban Tổng Giám đốc nêu cao tinh thần trách nhiệm, tâm quyết công việc được giao, nhiều nỗ lực cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn.



### IV. Thù lao của HĐQT, BKS năm 2019:

Tổng thù lao của HĐQT, BKS trong năm 2019 là 790.000.000 đồng. Trong đó, thù lao của từng Thành viên HĐQT, BKS cụ thể như sau:

#### \*Hội đồng quản trị:

- Ông Lê Bá Phương	- Chủ tịch HĐQT	130.000.000 đồng
- Ông Lương Văn Thành	- Phó Chủ tịch HĐQT	105.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	- Thành viên HĐQT	90.000.000 đồng
- Ông Lê Quang Hiệp	- Thành viên HĐQT	90.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Phan Dũng	- Thành viên HĐQT	90.000.000 đồng
- Ông Tatsuyuki Ota	- Thành viên HĐQT	90.000.000 đồng

#### \*Ban kiểm soát:

- Bà Đoàn Thị Bích Thúy	- Trưởng Ban Kiểm soát	51.000.000 đồng
- Bà Đoàn Hồng Lan	- Thành viên BKS	27.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Quốc Bình	- Thành viên BKS	18.000.000 đồng
- Bà Mai Huyền Ngọc	- Thành viên BKS	21.000.000 đồng

#### \* Các thành viên khác:

- Bà Lê Thị Hoàng Huệ	- Người công bố thông tin	39.000.000 đồng
- Bà Nguyễn Ngọc Tố Uyên	- Thư ký HĐQT	39.000.000 đồng

### V. Kế hoạch của HĐQT năm 2020

#### 1. Kế hoạch hoạt động của HĐQT

- HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông công ty.



- HĐQT lãnh đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành, tạo mọi điều kiện tốt nhất để Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT đã đề ra.

- HĐQT tạo mọi điều kiện tốt nhất để Ban kiểm soát thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát.

## 2. Kế hoạch kinh doanh 2020 cụ thể:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và dự báo tình hình thị trường năm 2020, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2019	% so với KQ 2019
<b>Nhà máy giấy Giao Long</b>			
<b>Máy 1</b>			
Sản lượng sản xuất (tấn)	57.900	60.143	96,27%
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	51.900	54.605	95,04%
Doanh thu (tỷ đồng)	430	528,29	81,39%
<b>Máy 2</b>			
Sản lượng sản xuất (tấn)	201.700	68.784	/
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	184.700	63.857	/
Doanh thu (tỷ đồng)	1.530	556,38	/
<b>Nhà máy Bao bì</b>			
Sản lượng sản xuất (sp)	41.900.000	38.219.604	109,62%
Sản lượng tiêu thụ (sp)	41.900.000	38.051.768	110,11%
Doanh thu (tỷ đồng)	378	341,9	110,56%
<b>Tổng doanh thu thuần (tỷ đồng)</b>	2.338	1429,88	163,51%
<b>Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)</b>	200	181,9	109,95%

\*Kế hoạch chia cổ tức: Chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu hoặc/và tiền mặt: 30%/vốn điều lệ.

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của HĐQT công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
**CHỦ TỊCH**  
**ĐÔNG HẢI**  
**BẾN TRÉ**

LÊ BÁ PHƯƠNG





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**  
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

DC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Tel: 075.2470655 - 3611666 \* Fax: 075.3635222 - 3611222  
Email: donghaibentre@yahoo.com \* Website: www.dohacobentre.com.vn

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019**

*(Đính kèm Báo cáo số 02/BC-ĐHĐCĐ Báo cáo của HĐQT năm 2019)*

ST T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT	11/01/2019	- Phân phối số cổ phiếu không phân phối hết từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
02	02/NQ-HĐQT	11/01/2019	- Thống nhất điều chỉnh các nội dung của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
03	03/NQ-HĐQT	18/01/2019	- Thống nhất chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Tân Cảng Giao Long.
04	04/NQ-HĐQT	18/01/2019	- Thống nhất chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Đại Thiên Lộc.
05	05/NQ-HĐQT	18/01/2019	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4, năm 2018 và mục tiêu kế hoạch Quý 1 năm 2019.
06	06/NQ-HĐQT	18/01/2019	- Thống nhất phê duyệt Tờ trình 01/TT-HĐQT ngày 02/01/2019 về đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/01/2019.
07	07/NQ-HĐQT	18/01/2019	- Thống nhất phê duyệt danh sách chi thưởng Ban điều hành Công ty. - Thống nhất phê duyệt danh sách chi thưởng HĐQT & BKS.
08	08/NQ-HĐQT	18/01/2019	- Thống nhất chọn Công ty Jiangsu Huadong Paper Machinery là nhà cung cấp hàng dự phòng cho máy giấy Dự án Nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 2.
09	09/NQ-HĐQT	18/01/2019	- Thống nhất thông qua phương án hợp tác bán hàng với Công ty Siam Kraft Industry Co., Ltd.
10	10/NQ-HĐQT	29/03/2019	- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.





11	11/NQ-HĐQT	26/04/2019	- Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.
12	11A/NQ-HĐQT	26/04/2019	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2019 và mục tiêu kế hoạch quý 2/2019.
13	12/NQ-HĐQT	09/05/2019	- Thống nhất đề nghị điều chỉnh các nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Nhà máy Giấy Giao Long.
14	13/NQ-HĐQT	09/05/2019	- Thống nhất chủ trương xây dựng Nhà máy Bao Bì số 01.
15	14/NQ-HĐQT	13/05/2019	- Thống nhất thông qua nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.
16	15/NQ-HĐQT	28/05/2019	- Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
17	16/NQ-HĐQT	28/05/2019	- Thống nhất chọn Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) là đơn vị phát hành cổ phiếu để trả 20% cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu cho người lao động năm 2019.
18	17/NQ-HĐQT	12/06/2019	- Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018.
19	18/NQ-HĐQT	25/06/2019	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.
20	18A/NQ-HĐQT	25/06/2019	- Thống nhất chọn Voith Paper Fabrics Asia Pacific SDN.BHD là nhà cung cấp mền, bạt sậy dự phòng cho Dự án Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2.
21	19/NQ-HĐQT	08/07/2019	- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng khoán.
22	20/NQ-HĐQT	08/07/2019	- Thống nhất phê duyệt tờ trình số 05/TT-HĐQT ngày 17/06/2019 về việc đề nghị đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 17/06/2019
23	21/NQ-HĐQT	08/07/2019	- Thống nhất việc phát sinh tăng giá trị hợp đồng Trạm xử lý nước thải Nhà máy Giao Long – giai đoạn 2.





24	22/NQ-HĐQT	29/07/2019	- Thống nhất vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2018 tại NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang.
25	23/NQ-HĐQT	29/07/2019	- Thống nhất vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động tại NH TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre.
26	24/NQ-HĐQT	29/07/2019	- Thống nhất điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2
27	25/NQ-HĐQT	21/08/2019	- Thống nhất chọn Công ty TNHH ABB là nhà cung cấp hàng dự phòng thiết bị điện cho dự án Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2
28	26/NQ-HĐQT	21/08/2019	- Thống nhất chọn Công ty Jiangsu Huadong Paper Machinery là nhà cung cấp hàng dự phòng (lô trực) cho máy giấy dự án Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2.
29	27/NQ-HĐQT	21/08/2019	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2019 và mục tiêu kế hoạch quý 3/2019.
30	28/NQ-HĐQT	30/08/2019	- Thống nhất vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2019 tại NHTMCP Công Thương VN – CN Bắc Sài Gòn.
31	29/NQ-HĐQT	30/08/2019	- Thống nhất vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2019 tại NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.
32	30/NQ-HĐQT	30/08/2019	- Thống nhất điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2
33	31/NQ-HĐQT	30/08/2019	- Thống nhất phê duyệt đơn giá tiền lương sản phẩm Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2 từ ngày 01/09/2019.
34	32/NQ-HĐQT	31/10/2019	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 3/2019 và mục tiêu kế hoạch quý 4/2019.
35	33/NQ-HĐQT	31/10/2019	- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

582  
IG  
PH  
IG  
NT  
HANI

36	34/NQ-HĐQT	18/11/2019	- Thông qua thời gian đăng ký và đặt tiền mua cổ phiếu cho đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
37	35/NQ-HĐQT	10/12/2019	- Thống nhất chi tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt cho cổ đông







**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**  
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

DC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Tel: 075.2470655 - 3611666 \* Fax: 075.3635222 - 3611222  
Email: donghaibentre@yahoo.com \* Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 03/BC-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**DỰ ÁN NHÀ MÁY GIẤY GIAO LONG – GIAI ĐOẠN 2**

Hội đồng Quản trị (“HDQT”) Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) báo cáo kết quả thực hiện Dự án Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2, cụ thể như sau:

**1. Tiến độ thực hiện Dự án Nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 2**

- Thời gian chạy thử - nghiệm thu: 16/04/2019 đến 31/08/2019.
- Thời gian hoạt động chính thức: từ tháng 09/2019.

**2. Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án**

- Tổng vốn dự kiến thực hiện dự án: 1.150.000.000.000 đồng (+/- 5%).
- Tổng vốn thực tế thực hiện: 1.156.323.106.893 đồng, trong đó:
  - + Vay trung hạn: 589.427.374.571 đồng
  - + Vốn phát hành: 334.249.737.700 đồng
  - + Nguồn khác: 232.645.994.622 đồng

**\* Các hạng mục đầu tư:**

- + Xây dựng cơ bản: 229.445.935.881 đồng
- + Máy móc thiết bị : 782.042.312.502 đồng
- + Phương tiện vận tải : 12.802.390.909 đồng
- + Thiết bị quản lý : 1.386.517.364 đồng
- + Phần mềm : 140.000.000 đồng
- + Hàng dự phòng : 49.330.439.705 đồng
- + Công cụ dụng cụ : 1.179.191.177 đồng
- + Lãi vay, chạy thử, chi phí quản lý: 79.996.319.355 đồng

Hội đồng quản trị kính báo cáo đến Đại hội đồng cổ đông.  
Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐÔNG HẢI**  
**BẾN TRE**  
M.S.D.N: 3611222  
H. CHÂU THÀNH - T. BẾN TRE  
**LÊ BÁ PHƯƠNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**  
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Tel: 075.2470655 - 3611666 \* Fax: 075.3635222 - 3611222  
Email: donghaibentre@yahoo.com \* Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 04/BC-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2020

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN CỦA ĐỢT  
CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU**  
(Triển khai chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên  
năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018, từ ngày 09/11/2018 đến ngày 30/01/2019, Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đã thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Giao Long giai đoạn II và đã hoàn tất việc chào bán 3.445.977 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre xin báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ ngày 14/02/2019 đến ngày 31/05/2020, cụ thể như sau:

**I./ Chi tiết đợt chào bán :**

- Tổng số tiền thu được từ bán cổ phiếu: 62.027.586.000 đồng
- Tổng chi phí của đợt phát hành : 199.158.300 đồng
- Tổng tiền thu ròng từ đợt phát hành : 61.828.427.700 đồng

**II./ Kế hoạch sử dụng tiền thu được :**

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Giao Long giai đoạn II (61.828.427.700 đồng).

**III./ Tình hình sử dụng tiền thu được :**

- Đầu tư vào Nhà máy Giao Long giai đoạn II: 47.607.478.632 đồng

Như vậy, tính đến ngày 31/05/2020, tổng số vốn phát hành còn lại chưa sử dụng là 14.220.949.068 đồng. Tổng số tiền còn lại này đang được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang và được tiếp tục sử dụng cho Dự án Nhà máy Giao Long giai đoạn II.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
**ĐÔNG HẢI**  
**BẾN TRE**  
M.S.D.N. H. CHÂU THÀNH - T. BẾN TRE  
**LÊ BÁ PHƯƠNG**





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**  
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: LÔ A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Tel: 075.2470655 - 3611666 \* Fax: 075.3635222 - 3611222  
Email: donghaibentre@yahoo.com \* Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 01/BC-BKS/2020

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Năm 2019, Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện nhiệm vụ kiểm soát đối với hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động với một số nội dung như sau:

#### **I- HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:**

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông ngày 20/05/2017 (nhiệm kỳ 2017-2021) bầu ra, gồm 03 thành viên:

1. Bà Đoàn Thị Bích Thúy – Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Quốc Bình – Thành viên
3. Bà Đoàn Hồng Lan – Thành viên

Vi lý do cá nhân Ông Nguyễn Quốc Bình xin từ nhiệm và Đại hội đồng cổ đông ngày 24/05/2019 đã bầu Bà Mai Huyền Ngọc thay thế.

Năm 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp chính thức ngoài các cuộc trao đổi bằng điện thoại để giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực chủ yếu sau đây:

- Kế hoạch làm việc kiểm kê 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm, kiểm kê dự án Nhà Máy Giấy Giao Long – giai đoạn 2. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong năm 2019, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng, năm của Công ty; Báo cáo Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu trong



kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Giám sát vấn đề XDCCB, mua sắm máy móc thiết bị của dự án đầu tư xây dựng nhà máy giấy giai đoạn 2.

Thù lao Ban Kiểm soát năm 2019 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chi phí hoạt động không có chi phí riêng, cụ thể:

- Bà Đoàn Thị Bích Thúy – Trưởng ban: 51.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Quốc Bình – Thành viên: 15.000.000 đồng.
- Bà Đoàn Hồng Lan – Thành viên: 27.000.000 đồng.
- Bà Mai Huyền Ngọc – Thành viên: 24.000.000 đồng.

## **II- GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:**

### **1. Hội đồng quản trị:**

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo đúng quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm.

- HĐQT đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã ban hành 37 nghị quyết liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

+ Thống nhất – thông qua: chủ trương xây dựng Nhà máy Bao Bì số 1, lựa chọn nhà cung cấp hàng và thiết bị dự phòng cho dự án Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2, phương án hợp tác bán hàng, đơn giá tiền lương sản phẩm, vay vốn, phát hành cổ phiếu, ...

- HĐQT thực hiện chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phối hợp cùng với Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **2. Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) và bộ máy quản lý:**

- Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.



- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) cùng Ban quản lý Công ty đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đã hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Về công tác đầu tư và XDCB: Kiểm tra tiến độ triển khai thực hiện dự án.

- Về công tác tổ chức nhân sự: Ban điều hành đã chỉ đạo tiến hành sắp xếp, tuyển dụng và bồi dưỡng nhân sự phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh tại Công ty.

### **3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các cổ đông:**

- Thường xuyên trao đổi với HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) về tình hình sản xuất, tình hình kinh doanh, tình hình triển khai dự án đầu tư Nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 2.

- Tham gia kiểm kê định kỳ tồn kho 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm; kiểm kê dự án Nhà máy Giấy Giao Long – giai đoạn 2.

- Kiểm tra ghi chép hạch toán kế toán; Kiểm tra sổ sách, báo cáo tài chính; Kiểm tra chi phí hoạt động và đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019. Rà soát báo cáo kiểm toán soát xét bán niên và báo cáo tài chính năm 2019.

- Trong năm 2019 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

### **III- GIÁM SÁT DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY GIẤY:**

- Tổng giá trị đầu tư xây dựng dự án Công trình Nhà máy Giao Long – Giai đoạn 2 tính đến ngày hoàn thành đưa vào hoạt động (ngày 01/09/2019) là: 1,156,323,106,893 VND.

- Việc triển khai thực hiện các dự án cơ bản đúng các quy trình đầu tư; các dự án đều được thông qua HĐQT, hoặc trong mức kinh phí HĐQT ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc.

### **IV- GIÁM SÁT TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN:**

- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành;

- Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2019 phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.



- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2019 như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2019	NĂM 2018
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS lưu động/ Nợ NH)	Lần	1.58	1.37
Hệ số thanh toán nhanh (TS lưu động - Hàng tồn kho)/ Nợ NH)	Lần	1.02	0.55
<b>2. Hiệu quả vốn lưu động</b>			
Vòng quay các khoản phải thu (Doanh thu/ (Phải thu khách hàng BQ đầu kỳ + cuối kỳ))	Lần	0.83	1.17
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn/ Hàng tồn kho BQ)	Lần	3.48	2.57
<b>3. Cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ phải trả trên Tổng nguồn vốn	Lần	0.47	0.54
Hệ số nợ phải trả trên Vốn chủ sở hữu	Lần	0.89	1.15
<b>4. Khả năng sinh lời</b>			
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	12.70	14.47
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	8.59	7.40
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	16.24	15.93

**Đánh giá chung:** Các chỉ số tài chính của công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### V- GIÁM SÁT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019:

Công ty đã thực hiện trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.



- Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

STT	CHỈ TIÊU	TH 2018	KH 2019	TH 2019	% TH/ KH 2019	% TH 2019/ TH 2018
1	Sản lượng sản xuất					
	NM giấy Giao Long	62,488	62,000	60,143	97.00%	96.25%
	NM giấy Giao Long 2	0	73,200	68,784	93.97%	N/a
	NM Bao bì	31,186,371	34,150,000	38,219,604	111.92%	122.55%
2	Doanh thu thuần (triệu đồng)	926,654	1,500,000	1,429,886	95.33%	154.31%
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	134,116	150,000	181,588	121.06%	135.40%

Nhà máy giấy Giao Long – Giai đoạn II đi vào hoạt động chính thức từ ngày 01/09/2019, sản lượng sản xuất và bán ra tăng mạnh. So với năm 2018, Doanh thu thuần cả năm tăng mạnh hơn 54%; Lợi nhuận sau thuế tăng hơn 35% và vượt 21% so với kế hoạch năm 2019.

## VI- NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Nhận xét:

- Nhìn chung, năm 2019 Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty.

- Hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo an toàn, tuân thủ pháp luật, đúng định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ. HĐQT, Ban điều hành đã lãnh đạo toàn thể Người lao động trong Công ty nỗ lực không ngừng mang lại giá trị phát triển bền vững cho Công ty.

### 2. Kiến nghị:

Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các phòng ban Công ty nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong sản xuất kinh doanh.



## **VII- PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020:**

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát).

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trên đây là toàn văn nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Ban kiểm soát xin cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc và các bộ phận phòng ban Công ty đã tạo điều kiện để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ năm 2019.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

**TM. BAN KIỂM SOÁT**



**ĐOÀN THỊ BÍCH THÚY**





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**  
**DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE**

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Tel: 075.2470655 - 3611666 \* Fax: 075.3635222 - 3611222  
Email: donghaibentre@yahoo.com \* Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 01/TT-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2020

**TỜ TRÌNH**

**“ Về các nội dung xin ý kiến ĐHCĐ thường niên 2020 ”**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

- Căn cứ Điều lệ hoạt động và tình hình hoạt động thực tế của Công ty;
- Căn cứ ý kiến thống nhất của các thành viên Hội đồng quản trị công ty.

HĐQT công ty kính trình và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2020 các vấn đề sau:

1./ Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD của Ban Tổng Giám Đốc công ty năm 2019 (báo cáo đính kèm)

2./ Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 (báo cáo đính kèm)

3./ Báo cáo tài chính kiểm toán (đính kèm) và phân phối lợi nhuận năm 2019:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (đồng)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.429.886.106.551
2	Lợi nhuận trước thuế	220.335.349.096
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.747.732.891
4	Lợi nhuận sau thuế	181.587.616.205
4.1	Trích quỹ đầu tư phát triển 5% lợi nhuận sau thuế	9.079.380.810
4.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2%/lợi nhuận sau thuế	3.631.752.324
4.3	Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt: 20%/vốn điều lệ	109.752.566.000
4.4	Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	2.747.000.000
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2019	56.376.917.071

4./ Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Triển khai chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018) - (Báo cáo đính kèm).

5./ Chi thù lao và thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành năm 2019

- Chi thù lao cho HĐQT, BKS: 790.000.000 đồng.
- Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành: đã thực hiện đạt kế hoạch: thưởng 1% lợi nhuận sau thuế và thực hiện vượt kế hoạch: thưởng 10% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch. Tổng cộng: 4.974.637.783 đồng. Tuy nhiên, thực tế đã chi: 2.747.000.0000 đồng.





\*HDQT thống nhất trình ĐHCĐ số tiền chi thù lao và chi thưởng cho HDQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2019 lần lượt là 790.000.000 đồng và 2.747.000.000 đồng.

**6./ Kế hoạch SXKD năm 2020:**

1. Nhà máy giấy Giao Long:

+ Máy 1: Sản lượng sản xuất: 57.900 tấn. Sản lượng tiêu thụ: 51.900 tấn. Doanh thu: 430 tỷ đồng

+ Máy 2: Sản lượng sản xuất: 201.700 tấn. Sản lượng tiêu thụ: 184.700 tấn. Doanh thu: 1.530 tỷ đồng

2. Nhà máy Bao bì: Sản lượng sản xuất: 41.900.000 sản phẩm. Sản lượng tiêu thụ: 41.900.000 sản phẩm. Doanh thu: 378 tỷ đồng

3. Tổng doanh thu thuần: 2.338 tỷ đồng

4. Lợi nhuận sau thuế: 200 tỷ đồng

**7./ Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:**

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh 2020, HDQT đề xuất trình Đại hội phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

7.1. Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 5%/lợi nhuận sau thuế

7.2. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi : 2%/lợi nhuận sau thuế

7.3. Chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu hoặc/và tiền mặt: 30%/vốn điều lệ.

**8./ Kế hoạch chi thù lao và chi thưởng cho HDQT, BKS, Ban điều hành năm 2020**

- Chi thù lao cho HDQT, BKS: 790.000.000 đồng

- Chi thưởng HDQT, BKS, Ban điều hành: nếu thực hiện đạt kế hoạch: thưởng 1% lợi nhuận sau thuế, nếu thực hiện vượt kế hoạch: thưởng 10% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch.

**9./ Ủy quyền cho HDQT chọn một công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 trong các công ty kiểm toán có tên sau:**

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

**10./ Phê chuẩn Chủ tịch HDQT kiêm Tổng Giám Đốc điều hành Công ty từ 01/01/2020 đến 31/07/2020.**

HDQT Công ty kính đề nghị Đại hội cổ đông thường niên 2020 thảo luận và cho ý kiến biểu quyết các vấn đề nêu trên.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



*Lê Bá Phương*





**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**(Dự thảo)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số: 01/BB.ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều I: Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019**

*Tỷ lệ biểu quyết:*

**Điều II: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019**

*Tỷ lệ biểu quyết:*

**Điều III: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2019**

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.429.886.106.551
2	Lợi nhuận trước thuế	220.335.349.096
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.747.732.891
4	Lợi nhuận sau thuế	181.587.616.205
4.1	Trích quỹ đầu tư phát triển 5% lợi nhuận sau thuế	9.079.380.810
4.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2%/lợi nhuận sau thuế	3.631.752.324
4.3	Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt: 20%/vốn điều lệ	109.752.566.000
4.4	Chi thường HĐQT, BKS, Ban điều hành	2.747.000.000
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2019	56.376.917.071

*Tỷ lệ biểu quyết:*



**Điều IV: Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Triển khai chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018).**

*Tỷ lệ biểu quyết:*

**Điều V: Thông qua mức chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2019**

- Chi thù lao cho HĐQT, BKS: 790.000.000 đồng.
- Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành: 2.747.000.000 đồng

*Tỷ lệ biểu quyết:*

**Điều VI: Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát năm 2019**

*Tỷ lệ biểu quyết:*

**Điều VII: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020**

1. Nhà máy giấy Giao Long:
  - + Máy 1: Sản lượng sản xuất: 57.900 tấn. Sản lượng tiêu thụ: 51.900 tấn. Doanh thu: 430 tỷ đồng
  - + Máy 2: Sản lượng sản xuất: 201.700 tấn. Sản lượng tiêu thụ: 184.700 tấn. Doanh thu: 1.530 tỷ đồng
2. Nhà máy Bao bì: Sản lượng sản xuất: 41.900.000 sản phẩm. Sản lượng tiêu thụ: 41.900.000 sản phẩm. Doanh thu: 378 tỷ đồng
3. Tổng doanh thu thuần: 2.338 tỷ đồng
4. Lợi nhuận sau thuế: 200 tỷ đồng

*Tỷ lệ biểu quyết:*

**Điều XIII: Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:**

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 5% lợi nhuận sau thuế
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi : 2% lợi nhuận sau thuế
- Chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu hoặc/và tiền mặt: 30% vốn điều lệ.

*Tỷ lệ biểu quyết:*

**Điều IX: Thông qua kế hoạch chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2020:**

- Chi thù lao cho HĐQT, BKS: 790.000.000 đồng.
- Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành: nếu thực hiện đạt kế hoạch: thưởng 1% lợi nhuận sau thuế, nếu thực hiện vượt kế hoạch: thưởng 10% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch.

*Tỷ lệ biểu quyết:*

035826  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
NG H  
ẾN TR  
THÀNH



**Điều X: Ủy quyền cho HĐQT chọn một Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 trong số hai Công ty kiểm toán sau :**

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

*Tỷ lệ biểu quyết:*

**Điều XI: Phê chuẩn Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc điều hành Công ty từ ngày 01/01/2020 đến 31/07/2020.**

*Tỷ lệ biểu quyết:*

Các Ông/Bà trong HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám Đốc và các cổ đông của công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này.

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**LÊ BÁ PHƯƠNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**  
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

DC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Tel: 075.2470655 - 3611666 \* Fax: 075.3635222 - 3611222  
Email: donghaibentre@yahoo.com \* Website: www.dohacobentre.com.vn



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**PHIẾU BIỂU QUYẾT**

Tên cổ đông :  
Tổng số cổ phần sở hữu : cổ phần  
Tổng số cổ phần được ủy quyền : cổ phần  
Tổng số phiếu biểu quyết : phiếu biểu quyết

**\* Các nội dung biểu quyết thông qua (đánh dấu vào ô lựa chọn) :**

STT	Nội dung biểu quyết	Ý kiến biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
01	Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban TGD năm 2019			
02	Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019			
03	Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2019			
04	Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Triển khai chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018)			
05	Thông qua mức chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2019			
06	Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát năm 2019			
07	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020			
08	Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020			
09	Thông qua kế hoạch chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2020			
10	Ủy quyền cho HĐQT chọn một Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020			
11	Phê chuẩn Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc điều hành Công ty từ 01/01/2020 đến 31/07/2020			

**Bến Tre, ngày 26 tháng 6 năm 2020**

Người biểu quyết  
(Ký, ghi rõ họ tên)



# Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



# Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 34



# Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 58/QĐ-SGDHCM ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Bá Phương	Chủ tịch
Ông Lương Văn Thành	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên
Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên
Ông Tatsuyuki Ota	Thành viên
Ông Nguyễn Phan Dũng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban	
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên	
Bà Mai Huyền Ngọc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2019
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2019

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Bá Phương	Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Thành	Phó Tổng giám đốc
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Bá Phương

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Bá Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2020



Số tham chiếu: 61519127/21258703-FN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

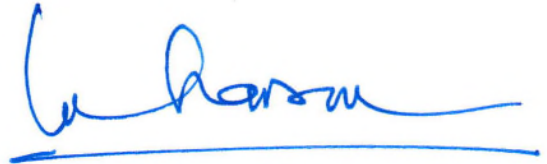
### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2019.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1



Từ Thái Sơn  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1543-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2020



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

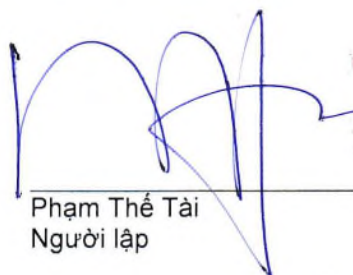
VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>875.293.334.198</b>	<b>565.384.952.649</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>156.334.923.342</b>	<b>28.532.090.163</b>
111	1. Tiền		72.334.923.342	8.532.090.163
112	2. Các khoản tương đương tiền		84.000.000.000	20.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>7.860.086.583</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.000.000.000	7.860.086.583
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>387.340.428.163</b>	<b>167.419.423.389</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	377.627.043.422	153.717.617.047
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	15.062.525.635	19.192.699.153
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.816.010.862	1.101.726.516
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(7.165.151.756)	(6.592.619.327)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>310.778.358.100</b>	<b>337.191.340.035</b>
141	1. Hàng tồn kho		310.778.358.100	337.191.340.035
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.839.624.593</b>	<b>24.382.012.479</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	12.839.624.593	6.542.057.745
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	-	17.839.954.734
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.237.984.430.461</b>	<b>1.247.697.888.567</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>18.770.506.156</b>	<b>16.327.354.383</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	12.270.506.156	16.327.354.383
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	7	6.500.000.000	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.197.445.635.146</b>	<b>133.405.704.064</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.197.163.503.685	133.389.265.639
222	Nguyên giá		1.455.914.301.425	339.378.724.758
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(258.750.797.740)	(205.989.459.119)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	282.131.461	16.438.425
228	Nguyên giá		699.334.250	388.834.250
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(417.202.789)	(372.395.825)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>4.749.466.998</b>	<b>1.088.080.508.258</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	4.749.466.998	1.088.080.508.258
<b>250</b>	<b>IV. Khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>2.600.000.000</b>	<b>2.600.000.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13	2.600.000.000	2.600.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>14.418.822.161</b>	<b>7.284.321.862</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	14.418.822.161	7.284.321.862
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.113.277.764.659</b>	<b>1.813.082.841.216</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019


VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>994.941.561.611</b>	<b>971.117.903.007</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>554.941.561.611</b>	<b>412.795.171.037</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	229.909.361.250	80.358.926.477
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	5.075.258.490	1.667.894.016
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	31.882.257.679	5.069.052.087
314	4. Phải trả người lao động	17	14.738.216.665	7.838.764.745
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	11.723.914.866	26.817.010.655
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.843.474.836	5.067.770.377
320	7. Vay ngắn hạn	20	258.769.077.825	285.975.752.680
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>440.000.000.000</b>	<b>558.322.731.970</b>
338	1. Vay dài hạn	20	440.000.000.000	558.322.731.970
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.118.336.203.048</b>	<b>841.964.938.209</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.118.336.203.048</b>	<b>841.964.938.209</b>
411	1. Vốn cổ phần		559.957.830.000	413.515.490.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		559.957.830.000	413.515.490.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		235.247.935.803	192.351.739.603
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		30.161.760.258	23.455.966.342
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		292.968.676.987	212.641.742.264
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		111.381.060.782	78.525.863.954
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		181.587.616.205	134.115.878.310
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.113.277.764.659</b>	<b>1.813.082.841.216</b>

  
Phạm Thế Tài  
Người lập

  
Lê Thị Hoàng Huệ  
Kế toán trưởng



  
Lê Bá Phương  
Tổng Giám đốc

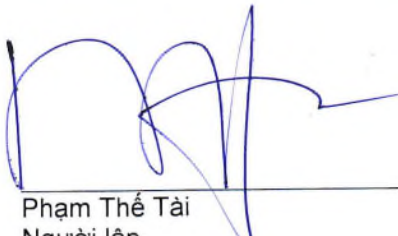
Ngày 28 tháng 3 năm 2020




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	22.1	1.430.030.972.251	926.843.746.364
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(144.865.700)	(190.041.900)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	22.1	1.429.886.106.551	926.653.704.464
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(1.126.524.279.929)	(722.034.204.484)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		303.361.826.622	204.619.499.980
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	3.809.918.583	2.366.792.683
22	7. Chi phí tài chính	24	(30.207.216.323)	(14.798.276.150)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(29.931.705.195)	(11.279.446.826)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(49.009.092.405)	(26.367.617.096)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(19.778.850.170)	(14.339.414.308)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		208.176.586.307	151.480.985.109
31	11. Thu nhập khác	26	12.188.273.828	4.834.321.597
32	12. Chi phí khác	26	(29.511.039)	(1.353.848.931)
40	13. Lợi nhuận khác	26	12.158.762.789	3.480.472.666
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		220.335.349.096	154.961.457.775
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(38.747.732.891)	(20.845.579.465)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		181.587.616.205	134.115.878.310
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.4	3.383	2.649
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.4	3.383	2.649

  
Phạm Thế Tài  
Người lập

  
Lê Thị Hoàng Huệ  
Kế toán trưởng



  
Lê Bá Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

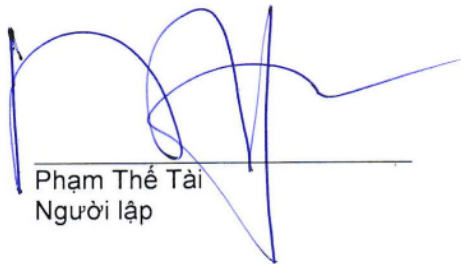
Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>220.335.349.096</b>	<b>154.961.457.775</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	58.612.149.317	37.978.329.846
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		572.532.429	(739.287.708)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(164.532.515)	163.593.247
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.285.825.111)	(1.904.402.499)
06	Chi phí lãi vay	24	29.931.705.195	11.279.446.826
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>303.001.378.411</b>	<b>201.739.137.487</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(205.161.641.333)	(4.605.016.273)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		26.412.981.935	(112.587.344.169)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		128.816.079.817	(100.034.528.031)
12	Tăng chi phí trả trước		(13.432.067.147)	(4.640.384.058)
14	Tiền lãi vay đã trả		(25.520.066.687)	(6.471.207.294)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(19.146.553.346)	(16.535.441.306)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.549.544.766)	(2.183.305.701)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>192.420.566.884</b>	<b>(45.318.089.345)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(25.042.493.641)	(530.298.198.415)
22	Tiền thu thanh lý tài sản cố định		3.973.910.273	-
27	Tiền thu lãi ngân hàng		2.234.252.615	1.684.677.386
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(18.834.330.753)</b>	<b>(528.613.521.029)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		99.745.966.200	-
33	Tiền thu từ đi vay	20	919.525.914.184	1.186.807.729.944
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(1.065.055.321.009)	(695.526.254.862)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(45.783.440.625)</b>	<b>491.281.475.082</b>

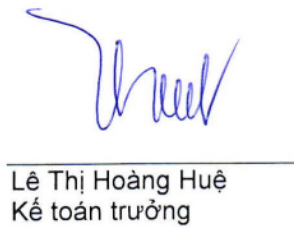


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

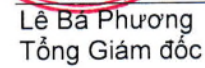
VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		127.802.795.506	(82.650.135.292)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.532.090.163	111.181.973.880
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		37.673	251.575
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	156.334.923.342	28.532.090.163

  
Phạm Thế Tài  
Người lập

  
Lê Thị Hoàng Huệ  
Kế toán trưởng



  
Lê Bà Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 58/QĐ-SGDHCM ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 489 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 419).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

**2.3 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 năm
Phần mềm vi tính	5 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện việc mua sắm và xây dựng tài sản mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong năm theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

▶ **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức má tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	26.149.900	359.562.000
Tiền gửi ngân hàng	72.308.773.442	8.172.528.163
Các khoản tương đương tiền (*)	84.000.000.000	20.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>156.334.923.342</b>	<b>28.532.090.163</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,3% đến 5,0%/năm.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	8.000.000.000	7.860.086.583

(\*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc trên ba tháng và dưới một năm tại các ngân hàng thương mại, và hưởng lãi suất là 6,5%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

**6.1 Phải thu khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công ty TNHH Box - Pak Việt Nam	38.266.566.525	20.967.351.625
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	25.456.443.017	13.166.218.670
- Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	24.306.145.281	1.902.136.830
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Vĩnh Hưng Đạt	22.896.872.550	2.169.949.320
- Công ty TNHH Bao bì YFY Hà Nam	20.793.736.040	-
- Khác	245.907.280.009	115.511.960.602
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>377.627.043.422</b>	<b>153.717.617.047</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.165.151.756)	(6.592.619.327)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>370.461.891.666</b>	<b>147.124.997.720</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công	8.614.999.990	12.060.999.994
- Khác	3.655.506.166	4.266.354.389
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.270.506.156</b>	<b>16.327.354.383</b>

**6.2 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(6.592.619.327)	(7.331.907.035)
Dự phòng trích lập trong năm	(572.532.429)	(522.107.277)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	1.261.394.985
Số cuối năm	<u>(7.165.151.756)</u>	<u>(6.592.619.327)</u>

Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Quá hạn trên 6 tháng đến 1 năm	10.552.300	(3.165.690)	18.112.730	(5.433.819)
Quá hạn trên 1 năm đến 2 năm	9.820.455	(4.910.228)	660.646.465	(330.323.233)
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	465.646.465	(325.952.525)	1.914.203.460	(1.339.942.422)
Quá hạn trên 3 năm	6.831.123.313	(6.831.123.313)	4.916.919.853	(4.916.919.853)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.317.142.533</b>	<b>(7.165.151.756)</b>	<b>7.509.882.508</b>	<b>(6.592.619.327)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công	6.000.000.000	10.779.436.421
Shanghai Jinxuan Rotary Joints Manufacturing Co., Ltd	2.419.938.644	-
Công ty TNHH ABB Automation and Electrification Việt Nam	1.090.548.690	-
Khác	5.552.038.301	8.413.262.732
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.062.525.635</b>	<b>19.192.699.153</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công	6.500.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>-</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	922.450.000	6.200.000
Lãi tiền gửi dự thu	179.111.111	101.448.888
Chi hộ	133.689.203	133.689.203
Khác	580.760.548	860.388.425
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.816.010.862</b>	<b>1.101.726.516</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	257.856.917.974	328.606.207.312
Hàng mua đang đi đường	28.858.933.958	-
Thành phẩm	23.537.225.329	7.895.291.487
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	264.341.340	311.308.438
Công cụ, dụng cụ	260.939.499	378.532.798
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>310.778.358.100</b>	<b>337.191.340.035</b>

Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (*Thuyết minh số 20*).



# Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Số đầu năm	112.214.998.994	202.995.017.528	21.302.211.688	2.672.786.548	193.710.000	339.378.724.758
Mua mới	-	1.918.710.000	405.000.000	606.603.127	-	2.930.313.127
Đầu tư XDCB hoàn thành	252.490.683.211	849.264.873.120	16.869.204.774	1.494.708.066	-	1.120.119.469.171
Thanh lý trong năm	(5.097.398.882)	(1.136.806.749)	(280.000.000)	-	-	(6.514.205.631)
Số cuối năm	359.608.283.323	1.053.041.793.899	38.296.416.462	4.774.097.741	193.710.000	1.455.914.301.425
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	7.956.841.625	17.211.748.245	1.933.014.960	1.009.010.011	193.710.000	28.304.324.841
Thế chấp (Thuyết minh số 20)	270.940.031.495	860.675.647.535	18.985.111.333	1.845.002.629	-	1.152.445.792.992
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	53.904.056.287	139.329.553.524	10.999.172.902	1.562.966.406	193.710.000	205.989.459.119
Khấu hao trong năm	12.711.798.629	40.885.923.671	4.486.121.526	483.498.527	-	58.567.342.353
Thanh lý trong năm	(4.396.977.436)	(1.129.026.296)	(280.000.000)	-	-	(5.806.003.732)
Số cuối năm	62.218.877.480	179.086.450.899	15.205.294.428	2.046.464.933	193.710.000	258.750.797.740
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	58.310.942.707	63.665.464.004	10.303.038.786	1.109.820.142	-	133.389.265.639
Số cuối năm	297.389.405.843	873.955.343.000	23.091.122.034	2.727.632.808	-	1.197.163.503.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	82.602.450	306.231.800	388.834.250
Mua trong năm	-	310.500.000	310.500.000
Số cuối năm	82.602.450	616.731.800	699.334.250
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	82.602.450	306.231.800	388.834.250
<b>Gía trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	82.602.450	289.793.375	372.395.825
Hao mòn trong năm	-	44.806.964	44.806.964
Số cuối năm	82.602.450	334.600.339	417.202.789
<b>Gía trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	-	16.438.425	16.438.425
Số cuối năm	-	282.131.461	282.131.461

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công trình Nhà máy Giao Long – Giai đoạn II (*)	-	1.084.886.559.838
Sửa chữa	4.749.466.998	3.193.948.420
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.749.466.998</b>	<b>1.088.080.508.258</b>

(\*) Công ty đã hoàn tất và đưa vào sản xuất dự án Công trình Nhà máy Giao Long – Giai đoạn II ("Công trình") với công suất 660 tấn/ngày từ tháng 9 năm 2019. Công trình gồm các hạng mục nhà xưởng chính (xưởng giấy, xưởng bột giấy, đường giao thông nội bộ), hệ thống xử lý nước thải, kho thành phẩm, hồ nước và các máy móc, thiết bị.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Giá gốc</i>
	<i>sở hữu</i>	<i>VND</i>	<i>sở hữu</i>	<i>VND</i>
	<i>(%)</i>		<i>(%)</i>	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long ("Tân Cảng Giao Long") (*)	26%	2.600.000.000	26%	2.600.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.600.000.000</b>		<b>2.600.000.000</b>

(\*) Tân Cảng Giao Long là một công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKDN số 13009990134 do SKHĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 12 tháng 8 năm 2015. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tân Cảng Giao Long là cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	6.392.019.608	2.506.894.843
Chi phí sửa chữa	4.669.388.930	3.229.013.897
Phí bảo hiểm	718.688.797	-
Khác	1.059.527.258	806.149.005
	<b>12.839.624.593</b>	<b>6.542.057.745</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	10.959.572.371	3.482.673.998
Chi phí thuê đất	3.373.324.860	3.462.487.620
Chi phí sửa chữa	85.924.930	339.160.244
	<b>14.418.822.161</b>	<b>7.284.321.862</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.258.446.754</b>	<b>13.826.379.607</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	225.553.361.250	79.962.926.477
<i>VIPA Lausanne SA</i>	17.190.610.010	1.815.898.896
<i>LCI Lavorazione Carta Riciclata Italiana S.R.L</i>	16.675.235.269	-
<i>Peute Papierrecycling BV</i>	13.068.062.518	-
<i>Jiangsu Huadong Paper Machinery Co., Ltd</i>	12.903.428.720	25.156.534.500
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Môi trường Dương Nhật</i>	3.621.667.433	8.192.863.766
<i>Yong Jia Yu Technology Engineering Co., LTD (Vietnam)</i>	2.401.024.298	8.186.830.297
<i>Khác</i>	159.693.333.002	36.610.799.018
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	4.356.000.000	396.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>229.909.361.250</u></b>	<b><u>80.358.926.477</u></b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kwok Fung (Sino HK) Enterprise Ltd	2.826.306.086	-
Jinhong Industrial (Hong Kong) Co., Ltd	2.114.276.124	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	-	1.575.625.496
Khác	134.676.280	92.268.520
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.075.258.490</u></b>	<b><u>1.667.894.016</u></b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.952.288.226	38.747.732.891	(19.146.553.346)	24.553.467.771
Thuế thu nhập cá nhân	76.187.861	2.705.254.963	(2.562.985.789)	218.457.035
Thuế giá trị gia tăng	-	209.297.626.298	(202.187.293.425)	7.110.332.873
Khác	40.576.000	1.964.615.168	(2.005.191.168)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.069.052.087</u></b>	<b><u>252.715.229.320</u></b>	<b><u>(225.902.023.728)</u></b>	<b><u>31.882.257.679</u></b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	17.839.954.734	133.013.658.790	(150.853.613.524)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.839.954.734</u></b>	<b><u>133.013.658.790</u></b>	<b><u>(150.853.613.524)</u></b>	<b><u>-</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cho dự án nhà máy Giao Long II	6.938.450.651	25.279.469.881
<i>Chi phí mua ngoài</i>	6.938.450.651	17.287.234.395
<i>Chi phí lãi vay</i>	-	6.460.983.171
<i>Chi phí lương</i>	-	1.531.252.315
Chi phí lãi vay	2.956.164.384	-
Khác	1.829.299.831	1.537.540.774
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.723.914.866</u></b>	<b><u>26.817.010.655</u></b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoa hồng môi giới	2.330.057.549	831.609.090
Thưởng của HĐQT và Ban kiểm soát	185.675.595	185.675.595
Khác	327.741.692	4.050.485.692
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.843.474.836</u></b>	<b><u>5.067.770.377</u></b>



## Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Phân loại lại	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>285.975.752.680</b>	<b>888.421.271.583</b>	<b>(975.627.946.438)</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>258.769.077.825</b>
Vay ngân hàng					
(Thuyết minh số 20.1)	285.975.752.680	888.421.271.583	(975.627.946.438)	-	198.769.077.825
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>558.322.731.970</b>	<b>31.104.642.601</b>	<b>(89.427.374.571)</b>	<b>(60.000.000.000)</b>	<b>440.000.000.000</b>
Vay ngân hàng					
(Thuyết minh số 20.2)	558.322.731.970	31.104.642.601	(89.427.374.571)	-	500.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>844.298.484.650</b>	<b>919.525.914.184</b>	<b>(1.065.055.321.009)</b>	<b>-</b>	<b>698.769.077.825</b>

VND

### 20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng với mục đích bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất		Hình thức đảm bảo
	VND	%/ năm				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang	146.676.011.824	5.9%	Ngày 31 tháng 5 năm 2020			Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo hợp đồng vay số 0360/CB-KH/19LD ngày 6 tháng 8 năm 2019.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre	52.093.066.001	6.0%	Ngày 30 tháng 6 năm 2020			Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo hợp đồng vay số 01/2019/670908/HDTD ngày 17 tháng 9 năm 2019.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>198.769.077.825</b>					

# Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. VAY (tiếp theo)

### 20.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang ("Vietcombank Tiền Giang")	<u>500.000.000.000</u>	Khoản vay được ân hạn trả nợ gốc trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Và ngày trả nợ gốc lần đầu là ngày 30 tháng 11 năm 2019 và sau đó, định kỳ 3 tháng một lần.	8.8%	Nhà máy Giao Long – Giai đoạn II (Thuyết minh số 10).

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả
- Vay dài hạn

60.000.000.000  
440.000.000.000

# Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					VND
Số đầu năm	344.597.690.000	192.413.291.303 (61.551.700)	19.443.248.805	154.669.468.506	711.123.698.614
Tăng vốn	68.917.800.000	-	-	(68.917.800.000)	(61.551.700)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	134.115.878.310	134.115.878.310
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.012.717.537	(4.012.717.537)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.605.087.015)	(1.605.087.015)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.608.000.000)	(1.608.000.000)
Số cuối năm	413.515.490.000	192.351.739.603	23.455.966.342	212.641.742.264	841.964.938.209
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	413.515.490.000	192.351.739.603	23.455.966.342	212.641.742.264	841.964.938.209
Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu (*)	34.459.770.000	27.365.196.200	-	-	37.921.000.000
Phát hành cổ phần cho người lao động (**)	22.390.000.000	15.531.000.000	-	-	61.824.966.200
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	181.587.616.205	181.587.616.205
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.705.793.916	(6.705.793.916)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.682.317.566)	(2.682.317.566)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.280.000.000)	(2.280.000.000)
Phát hành cổ phiếu để thanh toán cổ tức (***)	89.592.570.000	-	-	(89.592.570.000)	-
Số cuối năm	559.957.830.000	235.247.935.803	30.161.760.258	292.968.676.987	1.118.336.203.048



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.1 Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(\*) Vào ngày 9 tháng 11 năm 2018, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận số 68/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 6 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 33/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 11 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 01 năm 2019. Theo đó, Công ty đã phát hành mới 3.445.977 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ ngày 5 tháng 12 năm 2018 đến ngày 16 tháng 1 năm 2019 với mức giá phát hành là 18.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 30 tháng 1 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 854/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này của Công ty. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 413.515.490.000 VND lên 447.975.260.000 VND. Việc niêm yết bổ sung đã được chấp thuận bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 vào ngày 6 tháng 3 năm 2019.

(\*\*) Vào ngày 8 tháng 11 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 6786/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận việc phát hành cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty ("ESOP") theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 34/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 11 năm 2019. Theo đó, Công ty đã phát hành mới 2.239.000 cổ phiếu cho người lao động của Công ty từ ngày 20 tháng 11 năm 2019 đến 18 tháng 12 năm 2019 với mức giá phát hành là 17.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 3 tháng 1 năm 2020, Công ty đã nhận được Công văn số 30/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này của Công ty. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 537.567.830.000 VND lên 559.957.830.000 VND. Việc niêm yết bổ sung đã được chấp thuận bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 18 vào ngày 18 tháng 2 năm 2020.

(\*\*\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 20% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 20% này, tương đương với 89.595.050.000 VND, vào ngày 22 tháng 7 năm 2019. Việc niêm yết bổ sung đã được chấp thuận bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 vào ngày 28 tháng 10 năm 2019.

**21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	413.515.490.000	344.597.690.000
Vốn góp tăng trong năm	<u>146.442.340.000</u>	<u>68.917.800.000</u>
Số cuối năm	<u>559.957.830.000</u>	<u>413.515.490.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.3 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	55.995.783	41.351.549
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	55.995.783	41.351.549
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	55.995.783	41.351.549

**21.4 Lãi trên cổ phiếu**

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	181.587.616.205	134.115.878.310
<i>Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)</i>	-	(2.682.317.566)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	181.587.616.205	131.433.560.744
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm ( <i>cổ phiếu</i> ) (ii)	53.672.725	49.621.630
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND)</b> <i>(Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)</i>	<b>3.383</b>	<b>2.649</b>

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 5 năm 2019.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm nay đã được điều chỉnh do việc phát hành 8.959.257 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức 2018, 3.445.977 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và 2.239.000 cổ phiếu cho nhân viên theo chương trình ESOP (*Thuyết minh số 21.1*).

Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm trước đã được điều chỉnh do việc phát hành 8.959.257 cổ phiếu để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.5 Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 6 năm 2018, Công ty đã chào bán 3.445.977 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nguồn thu ròng từ đợt chào bán trên được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 2.

Chi tiết đợt chào bán:

STT	Nội dung	Thông tin
1	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
2	Loại hình cổ phiếu	Cổ phiếu thường
3	Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phiếu
4	Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán	3.445.977 cổ phần
5	Số lượng cổ phiếu đã phân phối	3.445.977 cổ phần
6	Tổng số tiền thu từ việc chào bán cổ phiếu	62.027.586.000 VND
7	Tổng chi phí chào bán	199.158.300 VND
8	Tổng thu ròng từ đợt chào bán	61.828.427.700 VND
9	Ngày bắt đầu chào bán	5 tháng 12 năm 2018
10	Ngày hoàn thành đợt chào bán	16 tháng 1 năm 2019

Tình hình sử dụng vốn:

Các chi phí liên quan đến dự án	VND Số tiền
Jiangsu Huadong Paper Machinery Co., Ltd	7.002.033.328
Công ty TNHH ABB	4.672.254.000
Andritz Technologies H.K.Limited	4.072.840.000
Andritz (China) Ltd	2.898.272.320
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Yong Jia Yu Việt Nam	2.841.529.379
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phú An Khang	2.759.528.763
Công ty TNHH Hệ thống Thiết bị UMW	2.063.820.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Dương Nhật	1.822.610.142
Công ty TNHH DV TM Đại Hùng Cường	1.537.803.336
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng Minh Phát	1.239.970.705
Khác	10.833.625.120
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.744.287.093</b>

Theo đó, nguồn thu ròng từ đợt chào bán trên được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 2 với tổng số tiền là 41.744.287.093 VND. Số tiền huy động từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu còn lại chưa sử dụng là 20.084.140.607 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.430.030.972.251</b>	<b>926.843.746.364</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.426.726.927.113	922.444.653.478
<i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	1.825.345.138	2.388.344.602
<i>Doanh thu bán máy móc thiết bị trả chậm</i>	1.478.700.000	2.010.748.284
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(144.865.700)</b>	<b>(190.041.900)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(144.865.700)	(190.041.900)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.429.886.106.551</u></b>	<b><u>926.653.704.464</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu các bên khác</i>	1.429.886.106.551	926.653.704.464

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	2.311.914.838	1.897.439.934
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.471.093.181	446.726.490
Khác	26.910.564	22.626.259
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.809.918.583</u></b>	<b><u>2.366.792.683</u></b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.123.535.686.864	718.106.344.177
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	1.803.593.065	2.347.860.307
Giá vốn của máy móc thiết bị trả chậm đã bán	1.185.000.000	1.580.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.126.524.279.929</u></b>	<b><u>722.034.204.484</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	29.931.705.195	11.279.446.826
Lỗ chênh lệch tỷ giá	275.511.128	3.518.829.324
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.207.216.323</b>	<b>14.798.276.150</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.800.554.669	16.257.211.915
Chi phí nhân viên	4.547.539.187	3.286.257.076
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.842.334.516	3.394.323.677
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.258.293.843	2.272.376.243
Khác	1.560.370.190	1.157.448.185
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.009.092.405</b>	<b>26.367.617.096</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	7.726.599.638	5.755.007.343
Chi phí công cụ, dụng cụ	307.353.708	273.273.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.386.360.274	5.168.915.442
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	572.532.429	(739.287.708)
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.321.998.895	662.647.821
Khác	3.464.005.226	3.218.857.881
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.778.850.170</b>	<b>14.339.414.308</b>

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>12.188.273.828</b>	<b>4.834.321.597</b>
Tiền bồi thường vi phạm hợp đồng	8.437.650.758	4.737.704.496
Lãi từ thanh lý tài sản	3.265.708.374	-
Khác	484.914.696	96.617.101
<b>Chi phí khác</b>	<b>(29.511.039)</b>	<b>(1.353.848.931)</b>
Lỗ từ thanh lý tái sản	-	(1.054.214.995)
Khác	(29.511.039)	(299.633.936)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>12.158.762.789</b>	<b>3.480.472.666</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.097.431.149.283	813.044.888.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	262.252.885.033	111.987.206.454
Chi phí nhân viên	68.191.885.480	49.447.775.772
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	58.612.149.317	37.978.329.846
Khác	14.651.432.517	12.892.756.718
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.501.139.501.630</u></b>	<b><u>1.025.350.957.711</u></b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Dự án đầu tư mở rộng: Công ty được miễn ba năm thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án nhà máy giấy Giao Long Giai đoạn 1 kể từ khi có thu nhập tính thuế (2013 - 2015) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tiếp theo (2016 - 2020). Các ưu đãi thuế này được áp dụng cho thời gian còn lại kể từ năm tính thuế năm 2015.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.747.732.891	20.673.253.554
Thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	172.325.911
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>38.747.732.891</u></b>	<b><u>20.845.579.465</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>220.335.349.096</u></b>	<b><u>154.961.457.775</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng áp dụng cho Công ty:	44.067.069.819	30.992.291.556
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	534.968.547	208.223.275
Thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	172.325.911
Thuế TNDN được giảm	<u>(5.854.305.475)</u>	<u>(10.527.261.277)</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>38.747.732.891</u></b>	<b><u>20.845.579.465</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được bào cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	11.618.200.000	7.780.700.800
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	Công ty cùng thành viên Hội đồng Quản trị	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.177.489.964	1.065.436.635

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương thưởng	<u>3.975.085.899</u>	<u>4.045.214.305</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm		Số đầu năm	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>						
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	<u>4.356.000.000</u>	<u>396.000.000</u>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

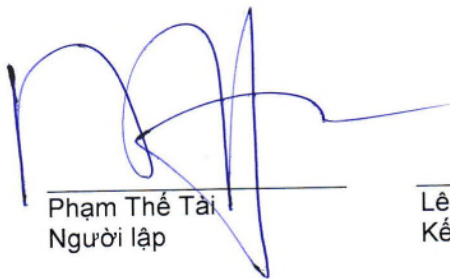
Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	4.478.588.357	1.726.682.566
Từ 1 - 5 năm	9.274.353.428	7.617.826.479
Trên 5 năm	29.912.591.226	36.436.887.605
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43.665.533.011</b>	<b>45.781.396.650</b>

VND

**31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

  
Phạm Thế Tài  
Người lập

  
Lê Thị Hoàng Huệ  
Kế toán trưởng

  
Lê Bá Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**  
**DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE**

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
 Tel: 075.2470655 - 3611666 \* Fax: 075.3635222 - 3611222  
 Email: donghaibentre@yahoo.com \* Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 11/CV -CTĐH

Bến Tre, ngày 30 tháng 03 năm 2020

"V/v giải trình KQHĐKD năm 2019"

**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH**

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 đã được kiểm toán, Công ty CP Đông Hải Bến Tre có lãi 181.587.616.205 đồng, tăng 35,40 % so với năm 2018, nguyên nhân là do :

- Nhà Máy Giấy Giao Long – Giai đoạn II đi vào hoạt động chính thức từ ngày 01/09/2019, sản lượng sản xuất và bán ra tăng mạnh. Từ quý 1 đến quý 3/2019, giá giấy bán ra giảm mạnh, giá giấy nguyên liệu tăng. Quý 4/2019, giá giấy bán ra và giá giấy nguyên liệu mua vào ổn định. Doanh thu thuần tăng 54,31%, giá vốn hàng bán tăng 56,02%.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 60,97% chủ yếu từ lãi tiền gửi và chênh lệch tỷ giá do thanh toán ngoại tệ cho Nhà cung cấp từ nguồn ngoại tệ thu từ xuất khẩu.

- Chi phí lãi vay và chi phí bán hàng đều tăng mạnh, trong đó chi phí lãi vay tăng 165,37% (chủ yếu là lãi vay phát sinh của phần vốn vay trung hạn), chi phí bán hàng tăng 85,87% (chủ yếu là tăng chi phí vận chuyển và chi phí tiếp thị khách hàng).

- Thu nhập khác tăng 152,12% chủ yếu là khoản thu thanh toán tiền bồi thường từ các nhà cung cấp.

Chi tiết :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	năm 2019	năm 2018	So Sánh	
					Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	Đồng	1.429.886.106.551	926.653.704.464	503.232.402.087	54,31
2	Giá vốn hàng bán	Đồng	1.126.524.279.929	722.034.204.484	404.490.075.445	56,02
3	Doanh thu hoạt động TC	Đồng	3.809.918.583	2.366.792.683	1.443.125.900	60,97
4	Chi phí tài chính	Đồng	30.207.216.323	14.798.276.150	15.408.940.173	104,13
	Chi phí lãi vay	Đồng	29.931.705.195	11.279.446.826	18.652.258.369	165,37
5	Chi phí bán hàng	Đồng	49.009.092.405	26.367.617.096	22.641.475.309	85,87
6	Chi phí QLDN	Đồng	19.778.850.170	14.339.414.308	5.439.435.862	37,93
7	Thu nhập khác	Đồng	12.188.273.828	4.834.321.597	7.353.952.231	152,12
8	Chi phí khác	Đồng	29.511.039	1.353.848.931	-1.324.337.892	-97,82
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Đồng	38.747.732.891	20.845.579.465	17.902.153.426	85,88
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	181.587.616.205	134.115.878.310	47.471.737.895	35,40

Công ty CP Đông Hải Bến Tre xin báo cáo giải trình đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM được rõ.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**



*Lê Bá Phương*